

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	<p>Chủ đầu tư là: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH – ĐẠI DIỆN BỞI CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP. HCM TNHH - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI TP. HCM</p> <p>Địa chỉ: Lầu 7, 8 và 9, Số 01 Đường Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP. HCM</p> <p>Mã số thuế: 0300951119-026</p> <p>Số tài khoản: 1900 777 888 979 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt nam – CN Trung tâm Sài Gòn</p>
E-ĐKC 1.3	<p>Nhà thầu: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].</p>
E-ĐKC 1.11	<p>Địa điểm dự án:.</p>
E-ĐKC 2.2 (i)	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có);- Biên bản hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 4.1	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người nhận: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực TP. HCM TNHH - Ban QLDA lưới điện phân phối TP. HCM.- Địa chỉ: Lầu 7, 8, 9, Số 01 Đường Võ Văn Tần , Phường Xuân Hòa, TP. HCM.- Điện thoại: (028) 62.875.387.- Số fax: (028) 38.221.107.- Địa chỉ email: nam3nh@hcmpec.com.vn
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none">- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng.- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực

	<p>hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Nhà thầu hoàn thành tất cả công việc của Hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Nhà thầu vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>- Trường hợp Nhà thầu là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Chủ đầu tư và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 10 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p>
<p>E-ĐKC 5.4</p>	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 14 ngày sau khi Chủ đầu tư đã nhận được Thư/ tiền bảo lãnh bảo hành. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng. d) Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; đ) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích; e) Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong

	<p>liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên.</p> <p>- Nếu Nhà thầu chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>- Trường hợp hàng hóa đã được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Nhà thầu phải khắc phục thì Nhà thầu phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ:
E-ĐKC 7.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày xảy ra mâu thuẫn.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: Trong vòng 30 ngày, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ nỗ lực giải quyết các bất đồng hoặc tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp.</p> <p>Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà Chủ đầu tư và Nhà thầu không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì một trong hai bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó thông qua Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh có thẩm quyền.</p>
E-ĐKC 9	<p>Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa. Bảy (7) ngày trước khi giao hàng, Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các văn bản, chứng từ sau đây (Bao gồm bản cứng và bản mềm (file scan lưu trên đĩa với đầy đủ các tài liệu giao hàng)):</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thông báo giao hàng, trong đó xác nhận các chi tiết của chuyến hàng như: số và ngày ký hợp đồng, số kiện hàng, số lượng hàng, tên và địa chỉ Công ty vận chuyển, địa điểm giao, ngày giờ giao (Bản chính). b) Bảng liệt kê chi tiết mô tả hàng hóa (Bản chính). c) Biên bản thử nghiệm thường xuyên/ xuất xưởng cho toàn bộ lô hàng và/hoặc từng đợt giao hàng (Bản chính):

	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Biên bản thử nghiệm thường xuyên/ xuất xưởng phải do chính nhà sản xuất thực hiện trên sản phẩm trước khi xuất xưởng. ✓ Có đầy đủ các hạng mục và kết quả thử nghiệm đáp ứng quy định trong hồ sơ mời thầu. <p>d) Giấy chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc nhà thầu (Bản chính).</p> <p>e) Giấy chứng nhận số lượng và chất lượng cho toàn bộ lô hàng hoặc từng đợt giao hàng (Bản chính):</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Giấy chứng nhận chất lượng và số lượng phải do chính nhà sản xuất thực hiện. ✓ Nhà sản xuất phải chứng nhận toàn bộ hàng hóa cung cấp theo hợp đồng là mới 100%, chưa qua sử dụng và có chất lượng đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật qui định trong hợp đồng. <p>f) Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá hợp lệ (C/O) do Phòng Thương mại và/hoặc Công nghiệp của nước sản xuất phát hành và tờ kê khai hải quan hàng hóa (01 bản chụp có sao y bản chính của nhà thầu) đối với hàng hoá có nguồn gốc từ nước ngoài.</p> <p>g) Bản vẽ kích thước với đầy đủ danh mục và số lượng các chi tiết (Bản chính).</p> <p>h) Bản vẽ lắp đặt thiết bị (Bản chính)</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Bản vẽ lắp đặt hoàn chỉnh thiết bị. ✓ Bản vẽ đấu nối mạch nhất thứ và nhị thứ (nếu có). <p>i) Kết quả thử nghiệm nghiệm thu của các mẫu thử (Bản gốc ở đợt giao hàng đầu tiên)</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Kết quả thử nghiệm nghiệm thu đạt yêu cầu của Hợp đồng do Đơn vị thử nghiệm phát hành. ✓ Số lượng mẫu thử, phương pháp thử nghiệm và đánh giá chất lượng hàng hóa theo quy định tại ĐKC 21.1 của hợp đồng. <p>j) Các tài liệu kỹ thuật khác được quy định trong Phần “Yêu cầu kỹ thuật”.</p> <p>Để thuận tiện trong quá trình xem xét tài liệu, số lượng tài liệu trước khi giao hàng sẽ là 01 bộ bản chính + 03 bộ bản sao. Chủ đầu</p>
--	--

	<p>tu phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên (các tài liệu này phải phù hợp với qui định của hợp đồng) trước khi hàng hóa đến nơi. Trường hợp tài liệu giao hàng hoặc kết quả thử nghiệm không đáp ứng quy định trong hợp đồng thì Bên mua có quyền không tiếp nhận hàng hoặc không tiến hành nghiệm thu và không thanh toán cho hàng hóa đã giao. Khi đó, nhà thầu phải chịu các chi phí lưu kho, lưu bãi phát sinh tại kho của Bên mua và/hoặc chi phí bốc dỡ, trả hàng... do việc giao tài liệu/chứng từ chậm trễ.</p> <p>Chủ đầu tư phải nhận được các hóa đơn và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.</p>
E-ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 12.3	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.</p>
E-ĐKC 13.1	<p>Tạm ứng: Mười (10) phần trăm giá hợp đồng trước thuế (bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ) sẽ được Chủ Đầu tư thanh toán bằng ủy nhiệm chi chuyên tiền trực tiếp cho Nhà thầu trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi Nhà thầu xuất trình các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 bản gốc Thư yêu cầu tạm ứng. - 01 bản gốc Bảo lãnh tiền tạm ứng (Mẫu số 20 Phần 4. Biểu mẫu hợp đồng của E-HSMT) do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với giá trị tương đương với số tiền tạm ứng, và có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng. <p>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu</p>

	<p>lực. Nếu Nhà thầu không giao nộp đúng hạn, Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Nhà thầu chi trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau (có bổ sung so với Điều kiện chung 13.2):</p> <p>(1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích;</p> <p>(2) Nhà thầu không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng;</p> <p>(3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 14.2</p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>1. Chủ đầu tư thanh toán chín mươi phần trăm (90%) trị giá trước thuế và 100% trị giá VAT (Trường hợp nhà thầu không tạm ứng hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán 100% giá trị hàng hóa được giao ở mỗi đợt giao hàng) bằng chuyển khoản trong vòng 25 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư phát hành công văn đồng ý nghiệm thu và Chủ đầu tư nhận được những chứng từ sau đây:</p> <p>a) 01 bản gốc hóa đơn VAT hoặc hóa đơn điện tử đã ký (theo mẫu hóa đơn thuế giá trị gia tăng của Bộ tài chính nước Chủ Đầu tư ban hành).</p> <p>b) 01 bản chính Bảng liệt kê chi tiết mô tả hàng hóa, thành phần,</p>

	<p>kích thước, trọng lượng tịnh/thô của từng kiện hàng, và tổng trọng lượng tịnh/thô.</p> <p>c) 01 bản chụp (có sao y bản chính của nhà thầu) của Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) do Phòng Thương mại và/hoặc Công nghiệp của nước sản xuất (<i>nếu hàng hóa có xuất xứ nước ngoài</i>) và tờ khai hải quan hàng hóa (bản chụp có sao y bản chính của nhà thầu).</p> <p>d) 01 bản chính văn bản nghiệm thu chấp nhận hàng hóa do Chủ Đầu tư phát hành xác nhận hàng hóa đã cung cấp đáp ứng các yêu cầu của hợp đồng.</p> <p>e) 01 bản chính Giấy chứng nhận bảo hành do Nhà sản xuất hoặc Nhà thầu phát hành.</p> <p>f) 01 bản chính Giấy chứng nhận chất lượng và số lượng do Nhà sản xuất phát hành.</p> <p>g) 01 bản sao Biên bản thí nghiệm thường xuyên do Nhà sản xuất phát hành.</p> <p>h) 01 bản gốc +03 bản sao y Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng theo mẫu mà Chủ Đầu tư chấp nhận (đối với đợt thanh toán cuối cùng).</p> <p>i) Biên bản thử nghiệm nghiệm thu (bản sao y)</p> <p>Trong trường hợp Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền khấu trừ tiền bồi thường vào bất cứ đợt thanh toán nào cho Nhà thầu.</p> <p>2. Trong trường hợp Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền khấu trừ tiền bồi thường vào bất cứ đợt thanh toán nào cho Nhà thầu.</p> <p>3. Tài khoản thanh toán của Bên B quy định trong hợp đồng này là tài khoản duy nhất và không hủy ngang trong toàn bộ quá trình thực hiện hợp đồng.</p> <p>4. Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: Đồng Việt Nam</p> <p>5. Trường hợp cần thiết, trong mỗi lần giao hàng (nếu có), Chủ đầu tư có thể thanh toán thành 2 kỳ, mỗi kỳ cách nhau không quá 1 (một) tháng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà thầu để cùng hợp tác.</p>
E-ĐKC 15.2	Quyền: Không qui định

E-ĐKC 18.2	Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hoá đúng yêu cầu để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyển tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyển tải.
E-ĐKC 19	Nội dung bảo hiểm: Không bắt buộc, những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng do Nhà thầu chi trả.
E-ĐKC 20.1	Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
E-ĐKC 20.2	<p>Các dịch vụ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hoá (kể cả chi phí bốc dỡ hàng hoá lên phương tiện vận chuyển nhưng không bao gồm chi phí bốc dỡ hàng hoá từ phương tiện vận chuyển xuống kho Chủ đầu tư), chi phí bảo hiểm (nếu có) và lưu kho đều do Nhà thầu thanh toán và tính vào trong giá hợp đồng. Việc bốc dỡ hàng hoá từ phương tiện vận chuyển xuống kho của Chủ đầu tư thuộc trách nhiệm của Đơn vị tiếp nhận hàng hóa của Chủ đầu tư. - Dịch vụ bảo hành toàn bộ hàng hóa được giao. - Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa theo E-ĐKC 21.1, E-ĐKC 21.2
E-ĐKC 21.1	<p>Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:</p> <p>1. Thử nghiệm nghiệm thu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thương thảo hợp đồng, Bên mua và nhà thầu sẽ thương thảo để chọn một trong các đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà thầu và nhà sản xuất, hợp pháp như Công ty Thí

nghiệm điện lực TP. HCM, Quatest 1, 2, 3 để thử nghiệm nghiệm thu, làm cơ sở nghiệm thu hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu.

- Việc thử nghiệm nghiệm thu sẽ được thực hiện 1 lần tại đợt giao hàng đầu tiên cho toàn bộ hợp đồng và nhà thầu có văn bản cam kết toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng đảm bảo chất lượng và tuân thủ quy cách kỹ thuật theo Hợp đồng và thiết kế của dự án được duyệt.
- Trong trường hợp phát hiện hoặc nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu tiến hành lấy mẫu ngẫu nhiên từ bất kỳ lô/đợt hàng nào mang đi thử nghiệm. Trường hợp kết quả không đạt Chủ đầu tư từ chối tiếp nhận lô/đợt hàng đó, nhà thầu phải chịu trách nhiệm cấp thay thế và chịu mọi chi phí liên quan.
- Số lượng mẫu thử và các hạng mục thử nghiệm được quy định cụ thể tại Chương V. Yêu cầu kỹ thuật trong E-HSMT
- Mẫu thử nghiệm được chọn ngẫu nhiên từ lô hàng với sự chứng kiến giữa đại diện Bên mua, Nhà thầu và Đơn vị thử nghiệm.
- Những mẫu thử nghiệm bị hư hỏng hay biến dạng không được tính vào số lượng giao hàng.
- Bên mua chỉ phát hành văn bản chấp nhận nghiệm thu hàng hóa sau sau khi có chứng thư công nhận lô hàng đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng.
- Toàn bộ chi phí liên quan đến công tác thử nghiệm nghiệm thu do nhà thầu chi trả.
- Thời gian tổ chức thử nghiệm nghiệm thu và thời gian thử nghiệm, phát hành Biên bản thử nghiệm được tính vào tiến độ giao hàng và thời gian thực hiện hợp đồng của nhà thầu. Trừ thời gian Chủ đầu tư tổ chức lấy mẫu thử nghiệm nghiệm thu (trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo hàng hóa đã sản xuất đủ theo đợt giao hàng và đề nghị lấy mẫu thử nghiệm nghiệm thu của nhà thầu).

2. Trong thời gian bảo hành, nếu phát hiện hàng hóa đang sử dụng có dấu hiệu hư hỏng hoặc kém chất lượng, Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hoặc thử nghiệm lại tại một đơn vị thử nghiệm độc lập.

- Trong trường hợp đơn vị thử nghiệm độc lập do Chủ đầu tư chọn xác định hàng hóa không đủ chất lượng theo điều kiện của hợp

	<p>đồng đã ký hoặc do lỗi của Nhà thầu, tùy theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải bồi thường phần giá trị hàng hóa không đủ chất lượng trên hoặc đổi lại toàn bộ hàng hóa đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng và bồi hoàn cho Chủ đầu tư mọi chi phí liên quan, kể cả việc tháo dỡ, vận chuyển,... hàng hóa do Chủ đầu tư đã lắp đặt.</p> <p>3. Trường hợp hàng hóa nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hóa khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hóa không phù hợp đó, trong vòng 5 ngày sau khi nhận được khiếu nại của chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại số hàng hóa không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của nhà thầu.</p> <p>- Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa hay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hóa ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và chi phí liên quan nếu có.</p>
<p>E-ĐKC 21.2</p>	<p>Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được thực hiện tại: một trong các đơn vị thử nghiệm độc lập với nhà thầu, có năng lực và tư cách pháp nhân do Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu thống nhất chọn để thử nghiệm nghiệm thu, làm cơ sở nghiệm thu hợp đồng giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu.</p>
<p>E-ĐKC 22</p>	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</p> <p>- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.</p> <p>1. Phạt vi phạm hợp đồng :Áp dụng.</p> <p>- Về tiến độ giao hàng: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ được tính bắt đầu từ ngày thứ 5 trở đi vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 0,1% giá trị phần hàng hóa giao chậm /1 ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12% Khi đạt</p>

	<p>đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về chất lượng: Nếu hàng hóa Nhà thầu giao không đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc không đảm bảo chất lượng theo đúng yêu cầu của hợp đồng thì phải chịu bồi thường tối đa 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. - Tổng mức phạt cho cả 02 nội dung trên không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm; mức phạt tối đa đến 12% Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng. <p style="text-align: center;">2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu Nhà thầu không thực hiện đúng theo các điều kiện của hợp đồng hoặc nhà thầu đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc nhà thầu bị buộc chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC của Hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng mà không cần có bất cứ lý do gì của Nhà thầu, đồng thời nhà thầu phải chịu bồi thường tất cả các thiệt hại của Chủ đầu tư do việc vi phạm hợp đồng của nhà thầu gây ra. - Nếu Nhà thầu không thực hiện bảo hành đúng theo các điều kiện như đã nêu tại điều khoản bảo hành của hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo hành hoặc yêu cầu Ngân hàng thanh toán chi phí bảo hành của Nhà thầu mà không cần có bất cứ lý do gì của Nhà thầu.
<p>E-ĐKC 23.3</p>	<p>Thời hạn bảo hành là: Toàn bộ hàng hóa được bảo hành...[theo thời gian nhà thầu phát biểu trong hồ sơ dự thầu nhưng phải tối thiểu là 5 năm (60 tháng] kể từ khi hàng hóa được nghiệm thu. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.</p> <p>Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể</p>

từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận. Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.

Yêu cầu khác liên quan đến bảo hành: Nhà thầu cam kết Nhà thầu và Nhà sản xuất các thiết bị chính tham gia cung cấp vật tư thiết bị trong Hợp đồng này sẽ không đưa ra bất cứ sự ràng buộc, hạn chế nào trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, cung cấp vật tư thiết bị dự phòng/thay thế sau thời gian bảo hành của Hợp đồng. Cam kết này bao gồm nhưng không giới hạn tới các quy định cản trở sự tiếp cận của Chủ đầu tư tới các dịch vụ và vật tư thiết bị nêu trên nhằm nâng cao độ tin cậy vận hành của thiết bị/hệ thống.

Địa điểm để áp dụng bảo hành là: tại địa điểm lắp đặt thiết bị.

<p>E-ĐKC 23.5 E-ĐKC 23.6</p>	<p>Thời hạn sửa chữa, thay thế là: Nếu trong thời gian bảo hành mà hàng hoá bị hư hỏng hoặc có khuyết tật do lỗi của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải thông báo ngay cho Nhà thầu bằng văn bản. Khi nhận được văn bản thông báo, Nhà thầu phải tiến hành thay thế hoặc sửa chữa trong thời gian không quá 10 ngày kể từ ngày được thông báo. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hoặc thay thế do Nhà thầu chịu. Nếu quá thời gian nói trên mà Nhà thầu chưa thực hiện, Chủ đầu tư có thể tiến hành việc sửa chữa với rủi ro và chi phí do Nhà thầu chi trả. Sau khi đã nhận được thông báo của Chủ đầu tư, nếu Nhà thầu không sửa chữa hoặc thay thế những hàng hoá có khuyết tật trong thời gian quy định nêu trên, Chủ đầu tư có thể tiến hành việc sửa chữa đó nếu thấy cần thiết, với rủi ro và chi phí của Nhà thầu mà không có ảnh hưởng đến bất cứ nghĩa vụ hay quyền lợi của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu</p>
<p>E-ĐKC 27.7 (d)</p>	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.</p>